

# HỒI GIÁO VÀ CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THỰC DÂN Ở INĐÔNÊXIA

NGÔ VĂN DOANH\*

Sự thống trị và đàn áp dã man cũng như những chính sách bóc lột và khai thác tàn bạo của người Hà Lan suốt từ thời kỳ Công ty Đông Ấn tới những năm đầu thế kỷ 20 không làm cho xã hội của người Inđônêxia tan vỡ hoàn toàn. Những nền văn hoá truyền thống của người Inđônêxia vẫn được bảo tồn, những luật tục (adat) và những giá trị tinh thần của người Inđônêxia vẫn là những yếu tố mạnh mẽ cố kết cộng đồng. Đạo Hồi vẫn chống lại một cách quyết liệt việc truyền giáo của đạo Thiên Chúa khiến cho tôn giáo mới này phát triển một cách chậm vật và chậm chạp ở Inđônêxia. Đặc biệt, ở những vùng thôn quê, xã hội truyền thống và những giá trị văn hoá cổ truyền luôn luôn là động lực thúc đẩy người dân chống lại chính quyền thuộc địa Hà Lan.

Việc các công ty tư bản chính quốc bóc lột một cách tàn tệ nhưng người dân thuộc địa ở Inđônêxia đã khiến ngay những nhà hoạt động chính trị, văn hoá và xã hội của Hà Lan phải lên tiếng. Tiến sĩ Abraham Kuyper, người trở thành thủ tướng năm 1901, đã viết một cuốn sách vào năm 1880, mà trong đó ông cho rằng chính phủ Hà Lan phải có một chính sách chịu trách nhiệm về đạo lý đối với phúc lợi của người dân bản xứ Inđônêxia. Vào lúc này, những

người xã hội đầu tiên đã vào Quốc hội Hà Lan và ra tuyên bố học thuyết “chính quyền của Inđônêxia vì Inđônêxia”. Thế nhưng, gây tiếng vang hơn cả là cương lĩnh của phái tự do được C.Th.Van Deventer thảo ra với chủ trương phúc lợi, phi tập trung hoá và sử dụng nhiều hơn người Inđônêxia trong bộ máy hành chính. Năm 1899, ông viết bài báo “Một món nợ danh dự” gây một sự tranh luận lớn trong xã hội. Van Deventer cho rằng, người Hà Lan phải trả món nợ danh dự cho người Inđônêxia, vì nhờ Inđônêxia mà Hà Lan đã trở nên giàu có. Các nhà nhân văn ở Hà Lan ủng hộ ý tưởng của Deventer và muốn thuộc địa Inđônêxia trở nên bình đẳng hơn với Hà Lan. Trước sức ép của xã hội, các quan chức Hà Lan đã đưa ra một số phương hướng cải cách chế độ hành chính ở Inđônêxia, thế nhưng, công việc được tiến hành rất chậm chạp. Những người thúc đẩy “chính sách đạo lý” đã coi làng xã là đòn bẩy để cải thiện phúc lợi của dân bản xứ. Quy định về làng xã của De Graaff năm 1906 xác định chính quyền xã bao gồm một xã trưởng, các chức sắc trong xã và một Hội nghị xã đủ khả năng chỉ đạo các cơ chế xã và đáp ứng các công việc của xã như cải thiện sản xuất nông nghiệp, chăm sóc thú y, mở các trường làng xã, cấp

\* PGS.TS Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

tín dụng, làm công tác y tế cộng đồng... Thế nhưng, bộ máy cấp xã tinh vi mới được lập ra này lại trở thành công cụ cho sự can thiệp quá mức từ trên xuống, do vậy làng xã hầu như không còn sự tự trị nào. Kết quả là, các làng xã lại chống lại sự thống trị của Hà Lan. Phương pháp cai trị nông thôn của người Hà Lan ở Indônêxia đã được J.S.Furnivall mô tả “Để tôi giúp anh, để tôi cho anh thấy phải làm thế nào, và để tôi làm hộ anh vậy”<sup>(1)</sup>. Tất cả những sự kiện xảy ra bên trong và bên ngoài đất nước Indônêxia vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 đã làm trỗi dậy ý thức dân tộc của người Indônêxia.

Và, một chương mới trong phong trào của người bản xứ Indônêxia đã mở ra bằng sự xuất hiện vào năm 1900 của một người phụ nữ tài đức Raden Adjeng Kartini, con gái viên quan nhiếp chính xứ Japara, người đã chủ trương phát triển giáo dục cho phụ nữ. Các bức thư của Kartini được xuất bản năm 1911 đã khơi dậy nghị lực và tinh thần của người dân Indônêxia<sup>(2)</sup>. Bà và bác sĩ Waidin Sudira Usada, một quan chức y tế nghỉ hưu năm 1906, đã mở đầu cho một phong trào thúc đẩy sự tiến bộ của Java. Cả hai người đều coi việc mở mang nền giáo dục phương Tây là một biện pháp giải cứu cho Indônêxia. Năm 1908, Usada lập ra tổ chức dân tộc chủ nghĩa đầu tiên ở Indônêxia có tên là *Budi Utomo* (khát khao tuyệt diệu) mà thành viên chủ yếu là các nhà trí thức và các quan chức người Java. Ngay từ những ngày đầu, Budi Utomo tuyên bố tiếng Mã Lai là tiếng nói của tổ chức mình. Bốn năm sau, năm 1912, đảng chính trị đầu tiên ra đời ở Indônêxia, Đảng Ấn Độ (thời thuộc địa, Indônêxia có tên gọi chính thức là Ấn Độ thuộc Hà Lan, do đó chữ Ấn Độ ở đây có nghĩa là Indônêxia). Mặc dầu chiếm vị trí

chủ đạo trong đảng là những người “Ấu - Ấn” (người lai giữa người Âu và người Indônêxia), Đảng Ấn Độ đã đưa ra yêu cầu đòi độc lập cho Indônêxia và quyền công dân cho mọi người. Lần đầu tiên trong lịch sử Indônêxia, những người lãnh đạo Đảng Ấn Độ đưa ra tư tưởng “chủ nghĩa dân tộc toàn Indônêxia”. Theo họ, dân tộc Ấn Độ (Indônêxia) bao gồm tất cả những người dân trong vùng quần đảo (kể cả những người “Ấu-Ấn”, người Trung Quốc, người Arap...) coi “Ấn Độ” (tức Indônêxia) là tổ quốc của mình. Vì thế, đến đầu năm 1913, Đảng Ấn Độ bị cấm hoạt động. Tuy chỉ tồn tại trong một thời gian rất ngắn, những khẩu hiệu và mục đích mà Đảng Ấn Độ đề ra là độc lập và thống nhất dân tộc đã có một ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển sau này của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Indônêxia. Cũng trong năm 1912, một tổ chức với tính chất khác hẳn đã ra đời, *Sarekat Islam* (Liên minh Hồi giáo), một đảng phái chính trị quan trọng đầu tiên của Indônêxia. Sarekat Islam xuất hiện từ phong trào Phục hưng Hồi giáo trong các cư dân trên đảo Sumatra và đảo Java và cũng là kết quả của việc các phái bộ Thiên Chúa giáo tăng cường hoạt động. Thoạt tiên, vào năm 1911, Sarekat Islam xuất hiện với tư cách là một tổ chức của các nhà buôn vải và y phục đảo Java nhằm phối hợp với nhau để đối phó với sự phát triển kinh tế ngày một tăng của người Hoa. Bốn mục tiêu ban đầu của tổ chức này là: khuyến khích thương nghiệp thương mại của Indônêxia, giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế, phồn vinh về vật chất và trí tuệ cho người Indônêxia và một đạo Hồi chân chính. Thế nhưng, khi đổi tên sang Sarekat Islam vào năm 1912, thì hoạt động của tổ chức này chủ yếu hướng tới những vấn đề chính trị và tôn giáo. Nhờ

thế mà Sarekat Islam đã nhanh chóng trở thành một phong trào nhân dân rộng lớn, chỉ sau một năm, vào năm 1913, tổ chức này đã kết nạp được 80.000 thành viên, và, sau 25 năm, đã có hai triệu hội viên. Thủ lĩnh của Sarekat Islam, Omar Said Tjokro Aminoto, là một diễn giả có tài và đầy sức quyến rũ. Tư tưởng của tổ chức Sarekat Islam là chủ nghĩa dân tộc Hồi giáo, nhưng trong đó lại có cả khuynh hướng chống thực dân của phong trào cải cách Hồi giáo liên kết việc cách tân tôn giáo với đấu tranh giải phóng. Trong điều kiện của Indônêxia lúc bấy giờ, lời kêu gọi hướng tới sự thống nhất những người Hồi giáo để bảo vệ những quyền lợi chung của mình mà Sarekat Islam đưa ra cũng gần như đồng nhất với khẩu hiệu kêu gọi đoàn kết toàn dân chống lại những người Thiên Chúa giáo. Do đó, có thể dễ dàng nhận thấy, mục tiêu hoạt động của tổ chức đảng phái Hồi giáo này không chỉ thuần túy mang tính chất tôn giáo mà còn mang tính chất chính trị.

Nếu như trong Cương lĩnh năm 1912 của Sarekat Islam còn chưa có một yêu cầu chính trị nào, thậm chí tại Đại hội lần thứ nhất họp tại Surabaya tháng 1-1913, nhà lãnh đạo của phong trào này, Omar Said Tjokro Aminoto, vẫn mạnh mẽ khẳng định rằng, phong trào không nhằm chống lại sự thống trị của Hà Lan, mà chỉ theo đuổi những mục đích của mình một cách hợp hiến, thì đến Đại hội toàn quốc lần thứ nhất năm 1916, mục tiêu chính trị đã được nêu ra. Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Sarekat Islam được tổ chức năm 1916 với sự tham dự của các đại biểu từ 80 tổ chức địa phương, đại diện cho 360.000 hội viên, và, đã thông qua một nghị quyết đòi được tự cai trị trên cơ sở một liên hiệp với Hà Lan.

Ngoài tổ chức Sarekat Islam hình thành ở Java ra, tại những nơi khác, đặc biệt là ở Ache, phong trào chống thực dân Hà Lan dưới ngọn cờ Hồi giáo cũng dâng lên mạnh mẽ và đã góp phần đáng kể vào phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của Indônêxia.

Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu, cuộc chiến tranh của người Ache chống thực dân Hà Lan có một ý nghĩa quan trọng đối với lịch sử cận và hiện đại không chỉ của Ache mà còn của cả đất nước Indônêxia sau này. Cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm chống thực dân của Ache là tấm gương chói ngời đối với cuộc chiến chống lại sự áp đặt nền thống trị thực dân ở cả vùng Đông Ấn (tức Indônêxia sau này). Ngoài ra, cuộc chiến tranh chống thực dân của Ache còn được tuyên cáo là cuộc thánh chiến (*Jihad* hay *perang sabil*). Do đó, cuộc chiến này cũng được coi là một trong các trung tâm của thế giới Hồi giáo chống lại việc áp đặt ách thống trị thực dân<sup>(3)</sup>. Sau thất bại của tiểu vương quốc Hồi giáo Ache, vùng đất này bị sáp nhập vào hệ thống hành chính của Đông Ấn thuộc Hà Lan. Theo đường lối quản lý thuộc địa chung của Hà Lan, các thủ lĩnh cha truyền con nối người bản xứ (các ulebalang) được hội nhập vào bộ máy địa phương; còn các thủ lĩnh tôn giáo bản xứ được phép tự do hoạt động với điều kiện là không được dính líu đến chính trị. Như vậy là, tại Ache, thể chế tiểu quốc Hồi giáo (sultanate) - trung tâm của cuộc chiến chống thực dân - bị loại bỏ; còn Hồi vương (sultan) thì bị đưa đi đày. Trong khi đó, địa vị và lương bổng của các ulebalang thì được chính quy hoá như một bộ phận của cơ cấu hành chính<sup>(4)</sup>. Với chính sách này, Hà Lan đã lôi kéo được một bộ phận không nhỏ các thủ lĩnh địa phương phục vụ cho họ<sup>(5)</sup>. Còn các vị thủ lĩnh thì lợi dụng

quyền cai trị và pháp lý để mở rộng đất đai của mình và cho con cái đi học ở ngoài Ache, tại các trường dạy bằng tiếng Hà Lan<sup>(6)</sup>. Tất nhiên, vẫn còn nhiều vị thủ lĩnh tiến bộ tham gia và đóng vai trò quan trọng trong phong trào dân tộc của Indônêxia. Vì thế mà, dù Hà Lan đã tranh thủ được tầng lớp thủ lĩnh địa phương, nhưng các hoạt động kháng chiến chống thực dân vẫn tiếp tục trên khắp Ache trong các năm 1910, 1920 và 1930<sup>(7)</sup>. Cũng trong thời gian đó, một đảng Hà Lan cố lái đạo Hồi ở Ache xa rời khỏi những điều mà họ cho là lạc hậu và “cuồng tín”, còn ở đảng kia, thế hệ mới các học giả Hồi giáo của Ache thì muốn cải cách đạo Hồi ở xứ mình. Trong những năm 1900-1940, đặc biệt là vào những năm 1930, đã diễn ra một cuộc cách mạng trong giáo dục đạo Hồi ở Ache: đã xuất hiện các trường đạo Hồi (các *madrasah*) mới; các *ulama* trẻ tích cực làm trong sạch đạo Hồi và cải thiện trình độ giáo dục<sup>(8)</sup>. Chính giai đoạn cải cách Hồi giáo này đã nối liền Ache với các diễn biến của phong trào giải phóng dân tộc trên toàn Indônêxia. Thoạt đầu, các tổ chức Hồi giáo bên ngoài Ache như “Sarekat Islam” và “Muhammadiyah” đã thiết lập được những cơ sở của mình tại Ache; còn các *ulama* người Ache thì lại thường được học tập về tôn giáo ở bên ngoài Ache và đóng vai trò quan trọng trong những tổ chức Hồi giáo trên<sup>(9)</sup>. Rồi thì, các cơ sở giáo dục đạo Hồi mới được thành lập đã không những không bó hẹp trong bản sắc Ache mà còn có xu hướng dùng ngôn ngữ Indônêxia<sup>(10)</sup>. Tất cả những phong trào cải cách đạo Hồi trong thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới đã làm cho Ache thoát khỏi sự bó hẹp của truyền thống địa phương để hội nhập vào xu hướng trí thức và chính trị của thời đại chủ nghĩa dân tộc mới.

Theo đánh giá của các nhà khoa học, cuộc đấu tranh để cải cách đạo Hồi có thể được coi như là sự tiếp tục các cố gắng của các *ulama* ở Ache trong cuộc chiến chống Hà Lan để cổ vũ những người dân bình thường nhìn ra bên ngoài cộng đồng địa phương của mình và nhìn vào thế giới rộng lớn hơn của đạo Hồi<sup>(11)</sup>. Với cách đánh giá tương tự, học giả Ali Hasjmy còn cho rằng, thời kỳ cải cách đạo Hồi là sự mở rộng cuộc chiến tranh chống Hà Lan, được thực hiện bằng những phương tiện khác, và, là một phiên bản hiện đại của chiến dịch chống đốt nát và mù chữ mà các *ulama* đã tiến hành trong suốt lịch sử Ache<sup>(12)</sup>. Để thúc đẩy những công việc mang ý nghĩa “khai sáng” trên, năm 1939, Hội các học giả tôn giáo toàn Ache (Pertasuan Ulama Seluruh Ache - PUSA) được thành lập. Sự ra đời của tổ chức này là sự phản ánh mối liên hệ giữa cuộc cải cách đạo Hồi trên tư cách là một mục tiêu của toàn đạo Hồi với việc thực hiện một chương trình cụ thể của riêng Ache<sup>(13)</sup>. Ngay sau khi ra đời, PUSA đã mở rộng ảnh hưởng của mình một cách đáng kể ở Ache, đặc biệt là từ khi Nhật Bản xâm lược Đông Nam Á vào cuối năm 1941.

Vào những thập niên đầu của thế kỷ 20, tư tưởng chủ nghĩa xã hội đã thâm nhập mạnh vào Indônêxia. Rồi thì, cuộc Cách mạng Nga năm 1917 đã có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình chính trị ở Java. Trước đó, vào năm 1914, người cộng sản Hà Lan Sneevliet đã lập ra một nhóm cộng sản trong Hội Dân chủ xã hội Ấn Độ (Indische Social Democratic Association - ISDA). Giờ đây, chính Henrich Sneevliet lập ra một Câu lạc bộ Dân chủ xã hội Ấn Độ với những mục tiêu cách mạng, và, Semaun, một thành viên của Câu lạc bộ, đã cố gắng tác động và tranh thủ Sarekat Islam theo chủ nghĩa cộng sản. Dưới tác

động của những người dân chủ xã hội, tại Đại hội toàn quốc tháng 10-1917 tổ chức tại Batavia, Sarekat Islam đã thông qua những nghị quyết quan trọng đòi quyền tự trị cho Indônêxia, đòi quyền bầu cử cho nhân dân... Phát biểu tại Đại hội, thủ lĩnh Tjokro Aminoto nhấn mạnh, kẻ thù chính của nhân dân Indônêxia là bọn tư bản và kêu gọi tiến hành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

Trên cơ sở của Hội Dân chủ xã hội Ấn Độ, năm 1920, những người cộng sản do Semaun đứng đầu đã lập ra Đảng Cộng sản Indônêxia (P.K.I.). Giờ đây, giữa PKI và Sarekat Islam nổ ra cuộc đấu tranh, và, vấn đề mấu chốt là tôn giáo. Đại hội lần thứ hai của PKI họp năm 1920 quyết định chủ nghĩa cộng sản đối lập với cả chủ nghĩa Đại Hội giáo và sự thống trị của phương Tây. Mặc dầu vậy, PKI vẫn cố tranh thủ chiếm ảnh hưởng trong ban lãnh đạo Sarekat Islam. Thế nhưng, mọi việc đã thay đổi từ Đại hội toàn quốc lần thứ sáu của Sarekat Islam. Khi Đại hội họp vào tháng 10 năm 1921 tại Surabaya, thì Tjokro Aminoto bị bắt do có liên quan với các hoạt động bí mật. Và, Abdul Muis và Hadji Agus Salim - những người thay Aminoto chủ tọa Đại hội - đã trình bày một đề nghị cấm các thành viên của Sarekat Islam gia nhập vào bất kỳ một đảng phái nào khác. Vì thế mà, đến năm 1923, những người có tư tưởng cộng sản trong Sarekat Islam đã tách ra và nhập luôn vào PKI. Từ thời điểm này, do nhiều tác động khách quan và chủ quan, Đảng Cộng sản Indônêxia đã đoạt chiếm ngọn cờ giải phóng dân tộc từ tay tổ chức Sarekat Islam (chủ nghĩa dân tộc Hồi giáo của tổ chức Hồi giáo này đã là tư tưởng chủ đạo của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Indônêxia trong những năm 1912-1921). Dưới sự lãnh đạo của những người cộng

sản, một loạt cuộc bãi công lớn đã nổ ra mà đỉnh cao là cuộc bãi công của công nhân đường sắt năm 1923 và cuộc tổng bãi công ở Surabaya năm 1925. Chính quyền thuộc địa đã đàn áp dã man các cuộc bãi công này và bắt bớ, bỏ tù một loạt những nhà lãnh đạo của Đảng Cộng sản như Semaun, Tan Malaca, Alimin... Trước tình hình đó, PKI quyết định khởi nghĩa vũ trang. Cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở Java vào tháng 1-1926. Cùng lúc đó, ở Tây Java, cũng nổ ra cuộc chiến tranh du kích nông dân. Một năm sau, tháng 1-1927, tại vùng phía tây đảo Sumatra (vùng Minangcabau), bùng lên cuộc khởi nghĩa lớn... Thế nhưng, do thời cơ chưa tới, do chưa có sự phối hợp chặt chẽ, nên tất cả các cuộc nổi dậy đều bị chính quyền thuộc địa dập tắt. Tuy thất bại, các cuộc vũ trang nổi dậy năm 1926-1927 đã trở thành cái mốc quan trọng trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của Indônêxia.

Thất bại của phong trào cách mạng đã khiến cho Sarekat Islam trở thành ngọn cờ chính yếu của chủ nghĩa dân tộc Indônêxia, mặc dù vào lúc này đã ra đời rất nhiều đảng phái. Giờ đây, Sarekat Islam chú ý nhiều hơn tới các công việc giáo dục và tình hình kinh tế. Thế nhưng, những hoạt động này của đảng Hồi giáo Sarekat Islam không thoả mãn những ước vọng của những người dân tộc chủ nghĩa cấp tiến. Và, năm 1927, một nhóm những người dân tộc chủ nghĩa cấp tiến do Sukarno (1901-1970) lãnh đạo đã lập ra Đảng Dân tộc Indônêxia (PNI). Đảng PNI tìm cách tập hợp tất cả các lực lượng và tổ chức dân tộc chủ nghĩa hiện có để tiến hành một phong trào bất hợp tác lớn theo mô hình của Gandhi. Thế nhưng, khi PNI thể hiện những xu hướng cách mạng, thì chính quyền thuộc địa đã ra tay đàn áp. Tháng 12-1929, hơn 100 thủ lĩnh và

những đảng viên tích cực của PNI bị bắt; bốn người trong số đó, có Sukarno, bị đưa ra toà. Do bị đàn áp và bị chính quyền thuộc địa cấm hoạt động, tháng 4-1931, Đảng Dân tộc Indônêxia phải tự giải tán. Thế nhưng, một nhóm các nhà lãnh đạo cũ của PNI, do Sartono lãnh đạo, đã nhanh chóng phục hồi lại Đảng dưới tên gọi mới là Đảng Indônêxia (Partindo). Partindo cũng đòi độc lập, thống nhất phong trào dân tộc và lên án chủ nghĩa đế quốc như PNI, nhưng đi xa hơn PNI trong những yêu sách dân chủ và xã hội. Trong ban lãnh đạo của Đảng, có những nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào giải phóng dân tộc Indônêxia như Sartono, Sukarno... Cho đến năm 1933, Partindo đã có 20.000 đảng viên, có cơ sở ở khắp nơi và trở thành một đảng chính trị lớn nhất của Indônêxia.

Cơ sở cương lĩnh của Partindo cũng như của PNI trước đó là những tư tưởng *Marhaenism* - những học thuyết do Sukarno soạn thảo trong những năm 1926-1933. Cái tên “marhaenism” có nguồn gốc từ tên gọi mà người dân ở Tây Java thường dùng để đặt tên cho con cái - Marhaen - (Umar Haien). Sukarno dùng cái tên bình dân đó đặt cho học thuyết với ngụ ý nói rằng học thuyết của ông phù hợp với những quyền lợi của người lao động. Điểm chính trong học thuyết “Marhaenism” là xu hướng chống thực dân đế quốc, còn yêu cầu đầu tiên của học thuyết là độc lập cho Indônêxia. Theo Marhaenism, con đường đi đến độc lập là con đường bất hợp tác với thực dân trong mọi lĩnh vực đời sống và chính trị, và, nhiệm vụ quan trọng nhất của đường lối bất hợp tác là giáo dục cho quần chúng niềm tin vào sức mạnh của chính mình và đoàn kết tất cả các lực lượng chống thực dân vào một mặt trận.

Trong phong trào dân tộc ở Indônêxia thời gian này, ngoài những người chủ trương bất hợp tác với chính quyền thực dân, còn có một bộ phận nhỏ chủ trương ngược lại - hợp tác. Những người chủ trương hợp tác do Sutono đứng đầu, tháng 12-1935, đã lập ra Đảng Indônêxia vĩ đại (gọi tắt là Parindra). Trong khi đó, những người chủ trương bất hợp tác, vào năm 1937, sau khi Partindo giải thể, đã lập ra phong trào nhân dân Indônêxia (gọi tắt là Gerindo) do Sartono và Sariphudin lãnh đạo. Tuy vẫn chủ trương độc lập cho Indônêxia, Gerindo cho rằng có thể hợp tác với chính quyền thuộc địa, nhưng với những điều kiện nhất định.

Năm 1936, những người hợp tác của Parindra trong Hội đồng Đại diện Nhân dân (Volksraad) đưa ra một nghị quyết có tên là “kiến nghị Sutarjo” nói lên ước muốn hợp tác với chính phủ Hà Lan trong việc tiến hành những cuộc cải cách từ từ trong vòng 10 năm để giải quyết vấn đề độc lập cho Indônêxia theo khuôn khổ điều một của Hiến pháp Hà Lan, nghĩa là Indônêxia sẽ là một trong những bang bình đẳng như bốn vùng lãnh thổ thuộc vương quốc Hà Lan. Mặc dầu nghị quyết được Volksraad thông qua, nhưng Chính phủ Hà Lan đã bác bỏ nghị quyết đó. Thế là từ đây, cả hai xu hướng hợp tác và bất hợp tác có thể phối hợp với nhau trong cuộc đấu tranh chung.

Ngay sau khi “kiến nghị Sutarjo” bị bác bỏ, vào năm 1939, xuất hiện Liên đoàn các Đảng dân tộc (Gapi) gồm Gerindo, Parindra, PSII (Đảng liên minh Hồi giáo Indônêxia) và một loạt những đảng phái chính trị nhỏ khác nhằm mục đích lập ra một Quốc hội Indônêxia để đấu tranh giành quyền tự quyết, thống nhất dân tộc, dân chủ (trong chính trị, kinh tế và xã

hội) và thống nhất hành động. Tháng 12-1939, Gapi triệu tập Đại hội nhân dân Indônêxia. Đại hội nhân dân đã tuyên bố là cơ quan thường trực của Mặt trận dân tộc thống nhất. Tháng 9-1941, tổ chức mặt trận thống nhất mới - Hội đồng nhân dân Indônêxia - ra đời với sự tham gia không chỉ của Gapi mà còn của cả Liên đoàn các tổ chức Hồi giáo (MIAI), các tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ. Mục đích của tổ chức này cũng vẫn là lập ra một quốc hội thực sự.

Thế nhưng, ngay cả khi Hà Lan đã bị quân đội Đức chiếm vào tháng 5 - 1940, Chính phủ Hà Lan vẫn không chấp nhận yêu cầu của phong trào dân tộc Indônêxia. Bằng hành động như vậy, chính quyền Hà Lan đã tiếp tay cho người Nhật dễ dàng nhảy vào Indônêxia. Kết quả là, khi quân Nhật tới, đa số người dân Indônêxia hoặc thụ động hoặc hy vọng "người bạn Châu Á" sẽ đem lại điều gì đó tốt đẹp hơn. Kết quả là, ngày 8-3-1942, sau 9 ngày giao chiến, quân đội Hà Lan phải đầu hàng Nhật.

Chiến thắng một cách dễ dàng của quân đội Nhật đối với Hà Lan và Đồng minh khiến nhiều người Indônêxia tin rằng Nhật Bản sẽ chiến thắng trong cuộc chiến tranh và mong chờ Nhật giúp họ thoát khỏi chính quyền thuộc địa Hà Lan. Còn người Nhật thì hứa hẹn về một nền độc lập cho đất nước Indônêxia. Thế nhưng, chỉ sau đó ít lâu, người Indônêxia đã vỡ mộng. Trong những tuần đầu, người Nhật cho phép người Indônêxia được treo cờ màu đỏ, trắng bên cạnh cờ Nhật. Nhưng sau đó, việc treo cờ Indônêxia cũng bị cấm luôn. Vì mục đích phục vụ cho chiến tranh, người Nhật đã tiến hành cướp bóc Indônêxia để cung cấp lương thực cho quân đội... Đến lúc này, người dân Indônêxia nhận ra rằng, ông chủ mới

người Nhật còn tồi tệ hơn cả những ông chủ cũ người Hà Lan.

Chớp thời cơ khi quân Nhật tràn qua Malaysia năm 1942, tổ chức PUSA của Ache bắt đầu triển khai cuộc tổng khởi nghĩa chống Hà Lan ở Ache và ở Bắc Sumatra. Trong cuộc khởi nghĩa lớn này, có sự tham gia của tất cả các phe phái của phong trào dân tộc chủ nghĩa, kể cả những phần tử bất đồng trong tầng lớp trên ulebalang<sup>(14)</sup>. Mà, mục tiêu hàng đầu của PUSA không chỉ là xoá bỏ Ách thống trị của Hà Lan mà còn là thay thế chính quyền truyền thống ở Ache bằng một sự lãnh đạo mới của đạo Hồi mang tính cải cách và cấp tiến.

Như ở các nơi khác trong khu vực Đông Nam Á, người Nhật lúc đầu đã dựa vào cơ cấu hành chính hiện có ở Ache, nghĩa là dựa vào tầng lớp các ulebalang, những người đã hợp tác với Hà Lan. Việc làm này của người Nhật đã góp phần làm căng thẳng thêm tình hình chính trị ở Ache: các ulebalang giờ đây không những chỉ liên quan tới sự thống trị *kafir* của Hà Lan, mà còn liên quan đến những đau khổ mà ách thống trị *kafir* của Nhật Bản đem lại. Về sau, nhận thấy vai trò lớn trong dân chúng của các ulama, người Nhật đã dựa vào PUSA, trao việc quản lý tôn giáo cho các ulama và cắt giảm rất nhiều quyền pháp lý của các ulebalang<sup>(15)</sup>. Do đó, việc Nhật Bản đầu hàng năm 1945, ngay lập tức, đã làm bùng nổ các căng thẳng chính trị ở Ache vốn đã được tích lũy từ lâu và được tăng thêm trong thời chiến tranh. Sự căng thẳng này còn tiếp diễn cả ngay sau khi Indônêxia tuyên bố độc lập.

Để mị dân, năm 1943, người Nhật thành lập ở Indônêxia một tổ chức chính trị có tên là Trung tâm lực lượng nhân dân (Putera) và đươc Sukarno, Hatta và những

cựu chiến binh khác của phong trào dân tộc vào ban lãnh đạo. Thế nhưng, ngoài dự tính của người Nhật, Sukarno và những bạn chiến đấu của mình đã sử dụng luôn Putera làm diễn đàn kêu gọi đoàn kết các lực lượng đấu tranh giành độc lập cho đất nước. Lập tức, đến năm 1944, người Nhật thay Putera bằng Liên minh trung thành với nhân dân và đặt tổ chức mới này dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt của mình. Nhưng, điều này giờ đây đã không thể làm thay đổi được tình thế. Các hoạt động của cả hai tổ chức trên vẫn bí mật liên hệ và ủng hộ các nhóm kháng Nhật hoạt động bí mật. Mùa thu 1943, dưới sự bảo trợ của bộ chỉ huy Nhật, đội quân tình nguyện bảo vệ tổ quốc (Peta) được thành lập nhằm mục đích hỗ trợ cho quân đội Nhật một khi quân đồng minh đổ bộ lên Indônêxia. Thế nhưng, trái với dự định của người Nhật, các lực lượng Peta lại trở thành lực lượng chống Nhật mạnh mẽ.

Khi nhận thấy lực lượng chống phát xít ngày càng phát triển, người Nhật buộc phải chấp nhận những yêu cầu đòi độc lập của người Indônêxia. Tháng 9-1944, thủ tướng Nhật hứa sẽ trao trả độc lập cho Indônêxia; ngày 1-3-1945, người Nhật lập ra ở Java Ban nghiên cứu chuẩn bị độc lập, do nhà dân tộc Ratgiman đứng đầu. Và, ngày 1-6-1945, tại phiên họp của Ban nghiên cứu chuẩn bị độc lập, Sukarno đã đưa ra những nền tảng cho sự thống nhất tất cả các lực lượng dân tộc trong cuộc đấu tranh để thành lập một nhà nước Indônêxia độc lập. Trong bài phát biểu của mình, sau này được gọi là “sự ra đời của Pancha Sila”, Sukarno đã mô hình hoá tư tưởng Marhaenism và đặt cơ sở về tư tưởng cho nền độc lập tương lai của Indônêxia dưới dạng năm nguyên tắc (Pancha Sila): 1) chủ nghĩa dân tộc thống nhất trên toàn lãnh thổ Indônêxia; 2) chủ

nghĩa quốc tế hay chủ nghĩa nhân văn, tức từ bỏ mọi chủ nghĩa sô vanh để đoàn kết hữu nghị với tất cả các dân tộc; 3) Mufakat hay nền dân chủ phù hợp với những truyền thống của xã hội Indônêxia; 4) xã hội thịnh vượng; 5) niềm tin vào Thượng đế, nghĩa là mỗi người đều có quyền tôn thờ vị thần riêng của mình. Ngày 11-5-1945, Chính phủ Nhật tuyên bố sẽ trao trả độc lập cho Indônêxia vào ngày 1-1-1946. Ngày 14-8-1945, Ban chuẩn bị độc lập, dưới sự bảo trợ của người Nhật được thành lập. Thế nhưng, một nhóm các nhà trí thức dân tộc, đặc biệt là các trí thức trẻ, không muốn nhìn thấy nền độc lập của nước mình do người Nhật trao cho. Trong khi Sukarno và Hatta còn do dự vì sợ phải đổ máu, thì sáng sớm ngày 16-8-1945, những nhà dân tộc trẻ đã bắt cóc hai ông và buộc hai ông phải chuẩn bị để tuyên bố độc lập ngay ngày hôm sau. Thế là, sáng ngày 17-8-1945, thủ lĩnh của phong trào giải phóng dân tộc Sukarno đã đọc bản tuyên ngôn độc lập lịch sử: “ Chúng tôi, dân tộc Indônêxia chính thức tuyên bố nền độc lập của Indônêxia...”

Như vậy là, tại Indônêxia cũng như ở nhiều nơi khác của thế giới Hồi giáo, trong thời kỳ thực dân, sự lùi bước của đạo Hồi đã có tác động đẩy tôn giáo này quay về cội nguồn dân tộc và bảo vệ nền văn hoá bản địa. Do vậy, thông qua các tổ chức, đảng phái và các phong trào đấu tranh, đạo Hồi ở Indônêxia đã là một trong những ngọn cờ đấu tranh chống thực dân quan trọng. Thế nhưng, như tình hình chung của thế giới Hồi giáo trong những thập niên đầu của thế kỷ 20, phong trào cải cách Hồi giáo đã phải đối đầu với các cuộc cách mạng diễn ra cùng thời về nhận thức quốc gia và dân tộc. Như đã xảy ra, tại Indônêxia, trong những năm giữa hai cuộc chiến tranh thế giới, sự đối đầu giữa



đạo Hồi và chủ nghĩa dân tộc được thể hiện rõ cả ở những cuộc tranh luận cũng như trong các hành động chính trị. Cuộc tranh luận này, như các nhà nghiên cứu đã nêu ra, không xoay vào vấn đề có nên chống hay không chống chủ nghĩa thực dân phương Tây, mà tập trung chủ yếu vào chỗ nên xem cuộc đấu tranh này là cuộc đấu tranh dân tộc chống ách thống trị châu Âu hay là cuộc đấu tranh của đạo Hồi chống lại ách thống trị của *kafir* (“kẻ không có đức tin”, dị giáo). Nhiều nhà lãnh đạo Hồi giáo ở Indônêxia cho rằng, việc nhấn mạnh vào chủ nghĩa dân tộc (*kebangsaan*) sẽ làm tan vỡ sự thống nhất năng động của đạo Hồi cũng như làm hại đến mục tiêu tinh thần của đạo Hồi là xây dựng một cộng đồng quốc tế tôn giáo (*Umma*). Các nhà lãnh đạo Hồi giáo cho rằng, xét về mặt tôn giáo, những người theo chủ nghĩa dân tộc được coi là phạm vào tội *shirk* (“sự tôn thờ, sự sùng kính”), tức là tội đề cao một tạo vật của con người - tức quốc gia. Còn những người theo chủ nghĩa dân tộc như Sukarno thì lại nhận thấy, nếu quá nhấn mạnh vào các mục của Hồi giáo và sự trung thành với đạo Hồi thì không chỉ làm cho những người Indônêxia không theo đạo Hồi, mà còn khiến cả các tín đồ Hồi giáo Indônêxia không triệt để lãnh đạo đối với phong trào dân tộc<sup>(16)</sup>. Tính phức tạp trong quan hệ giữa một bên là bản sắc Hồi giáo và bên kia là bản sắc sắc tộc, địa phương và dân tộc có thể thấy rõ qua lịch sử của Ache hiện đại (từ sau ngày Indônêxia độc lập)./

## CHÚ THÍCH

1. J . S . Furnivall, *Ấn Độ thuộc Hà Lan*, Cambridge, 1939 và 1944, tr.389.
2. Bản tiếng Anh có nhan đề “*Letters of a Javanese Princess by Raden Adjeng Kartini*”, New York, 1920.
3. Ozay Mehmet, *Bản sắc và sự phát triển của đạo Hồi*, trong *Những công trình nghiên cứu về ngoại vi của đạo Hồi*, New York, 1990, tr. 27.
4. Morris . E. *Cách mạng xã hội và tầm nhìn của đạo Hồi*, trong *Động lực của cách mạng Indônêxia: Thống nhất từ đa dạng*. Honolulu, University of Hawaii Press, 1985, tr. 85.
5. Reid . A *Cách mạng và sự cáo chung của nền thống trị truyền thống ở Sumatra*, London, Oxford University Press, 1979, tr.85.
6. Morris . E. *Đạo Hồi và nền chính trị Ache*, Cornell University, Ithaca, NY. 1983, tr. 70-72.
7. Clive J. Christie, *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, (bản dịch tiếng Việt), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.254.
8. Clive J. Christie, *lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, sdd. tr. 255.
9. Alfian, *Học giả về tôn giáo (ulama) trong xã hội Ache*, trong *Nghiên cứu đạo Hồi ở Đông Nam Á*, Singapo, ISEAS, 1985, tr. 85.
10. Morris . E. *Đạo Hồi và nền chính trị Ache*, sdd. tr.88.
11. Siegel. J. T. *The Rope of God*, Berkeley, University of California Press , 1969, tr. 56.
12. Dẫn theo Clive J. Christie, *Lịch sử Đông Nam Á hiện đại*, sdd. tr. 256.
13. Reid. A. *Cách mạng và sự cáo chung...* sdd. tr.25.
14. C. van Dijk, *Nổi loạn dưới ngọn cờ đạo Hồi: Darul Islam ở Indônêxia*, The Hague, 1981, tr.270-273.
15. Reid. A. *Cách mạng và sự cáo chung...*sdd. tr. 94, 124.
16. Xem *Chủ nghĩa dân tộc của Sukarno, đạo Hồi và chủ nghĩa Mác* (do Ruth T. McVey chủ biên), Ithaca, NY, 1969.